

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 32



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Thành Đô	Chủ tịch
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Thành viên
Ông Đào Xuân Tuất	Thành viên
Ông Lê Thanh Tuấn	Thành viên
Ông Tạ Hồng Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Giám đốc
Ông Đào Xuân Tuất	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
  
Trịnh Ngọc Hiếu  
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Số: 478 /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc*

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty đang ghi nhận khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng theo giá gốc trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền là 69.469.880.000 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị của khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 do chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Gang thép Cao Bằng. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh giá trị khoản đầu tư này hay không.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### *Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Công ty có nghĩa vụ đóng góp cho địa phương để đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật và công trình phúc lợi căn cứ theo quy định tại Luật Khoáng sản và hướng dẫn của UBND tỉnh Hà Giang. Căn cứ vào Công văn số 109/BC-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Cục thuế tỉnh Hà Giang về việc đề nghị UBND tỉnh Hà Giang xem xét báo cáo thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc tạm dừng thực hiện thu khoản đóng góp nêu trên, Công ty đã không trích chi phí phải đóng góp cho địa phương của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào chi phí trong năm với số tiền là 7.560.000.000 VND. Đến thời điểm hiện tại, UBND tỉnh Hà Giang chưa đưa ra quyết định đối với việc tạm dừng thu đối với các khoản đóng góp địa phương nêu trên. Nếu Công ty ghi nhận đầy đủ khoản chi phí phải đóng góp cho địa phương theo quy định hiện hành vào chi phí trong năm, khoản mục Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm đi 7.560.000.000 VND và khoản mục Phải trả ngắn hạn khác trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng lên một khoản tương ứng.

### *Ý kiến kiểm toán ngoại trừ*

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu trong đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại hoặc trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Đặng Chí Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 15 tháng 3 năm 2016  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1472-2013-001-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>132.389.564.490</b>	<b>161.467.752.113</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>99.710.404.514</b>	<b>123.600.195.317</b>
1. Tiền	111		29.702.534.792	32.704.654.798
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.007.869.722	90.895.540.519
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>5.424.767.472</b>	<b>9.982.576.031</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.261.184.691	6.531.649.260
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.218.592.482	1.810.719.507
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	671.231.152	2.366.448.117
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(726.240.853)	(726.240.853)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>25.173.030.895</b>	<b>25.820.277.874</b>
1. Hàng tồn kho	141		25.173.030.895	25.820.277.874
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.081.361.609</b>	<b>2.064.702.891</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	98.160.000	116.860.714
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	14	1.983.201.609	1.947.842.177
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>142.675.649.337</b>	<b>127.632.209.132</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.704.253.453</b>	<b>1.488.182.397</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.704.253.453	1.488.182.397
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.509.238.978</b>	<b>49.459.802.626</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	11.715.459.792	16.973.938.964
- Nguyên giá	222		43.998.952.857	44.207.654.746
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.283.493.065)	(27.233.715.782)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	31.793.779.186	32.485.863.662
- Nguyên giá	228		46.168.552.193	43.079.127.193
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.374.773.007)	(10.593.263.531)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>15</b>	<b>13.034.841.998</b>	<b>9.368.470.636</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.034.841.998	9.368.470.636
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>82.726.780.240</b>	<b>65.176.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.756.900.240	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		69.969.880.000	65.176.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.700.534.668</b>	<b>2.139.753.473</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.700.534.668	2.139.753.473
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>275.065.213.827</b>	<b>289.099.961.245</b>


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>71.602.723.565</b>	<b>60.687.536.097</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>57.738.083.183</b>	<b>49.766.573.215</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	4.696.817.882	5.022.415.167
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	20.454.408.692	24.283.937.536
3. Phải trả người lao động	314		2.634.630.300	3.117.698.800
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		291.410.732	115.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	28.184.197.535	16.297.443.684
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.476.618.042	930.078.028
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.864.640.382</b>	<b>10.920.962.882</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337		9.000.000	9.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	13.855.640.382	10.911.962.882
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>203.462.490.262</b>	<b>228.412.425.148</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>203.462.490.262</b>	<b>228.412.425.148</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		126.000.000.000	126.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		126.000.000.000	126.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.500.000.000	4.500.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(42.833.907.079)	(18.101.620.304)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		107.025.722.491	104.186.124.012
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.103.464.642	1.103.464.642
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.667.210.208	10.724.456.798
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		7.667.210.208	10.724.456.798
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>275.065.213.827</b>	<b>289.099.961.245</b>

  
Hoàng Lê Khanh  
Người lập biểu

  
Đỗ Khắc Hùng  
Kế toán trưởng

  
Trịnh Ngọc Hiếu  
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu bán hàng	01		85.183.276.194	115.440.449.698
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	2.966.304.754
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	20	85.183.276.194	112.474.144.944
4. Giá vốn hàng bán	11	21	55.157.687.340	64.852.030.145
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 - 11)	20		30.025.588.854	47.622.114.799
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	6.190.802.284	7.509.375.516
7. Chi phí tài chính	22		55.789.745	-
8. Chi phí bán hàng	25	25	1.299.183.942	1.594.414.287
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	11.874.169.501	12.327.435.467
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		22.987.247.950	41.209.640.561
11. Thu nhập khác	31		321.721.720	155.521.357
12. Chi phí khác	32		1.129.053.879	9.143.842.429
13. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40	24	(807.332.159)	(8.988.321.072)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.179.915.791	32.221.319.489
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	1.561.041.888	2.140.907.010
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		20.618.873.903	30.080.412.479
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	1.637	2.134

  
Hoàng Lê Khanh  
Người lập biểu

  
Đỗ Khắc Hùng  
Kế toán trưởng

  
  
Trịnh Ngọc Hiếu  
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.179.915.791	32.221.319.489
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	9.423.524.515	7.812.015.756
- (Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.225.894.992)	(294.457.622)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(3.966.395.908)	(6.458.026.418)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.411.149.406	33.280.851.205
- Giảm các khoản phải thu	09	705.661.729	2.509.119.982
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(513.192.689)	(12.538.620.657)
- Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	14.077.199.940	5.942.019.206
- Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	457.919.519	(3.355.750.274)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.834.984.083)	(4.138.620.478)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.421.199.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(23.610.006.508)	(6.174.524.931)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.114.946.314	15.524.474.053
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(408.729.642)	(1.325.819.265)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	147.636.363	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(17.934.999.600)	(26.250.000.000)
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.658.107.545	6.842.591.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.537.985.334)	(20.733.227.320)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(24.732.286.775)	(18.101.620.304)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.960.360.000)	(43.101.170.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.692.646.775)	(61.202.790.304)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(26.115.685.795)	(66.411.543.571)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	123.600.195.317	189.717.281.266
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.225.894.992	294.457.622
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	99.710.404.514	123.600.195.317

Hoàng Lê Khanh  
Người lập biểu

Đỗ Khắc Hùng  
Kế toán trưởng

Trịnh Ngọc Hiếu  
Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



## **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang được hợp nhất với Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang theo Quyết định số 604/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 1995 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang. Theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 3 năm 2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000027 ngày 28 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 6 ngày 12 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 126.000.000.000 VND. Trong đó vốn góp Nhà nước là 58.762.800.000 VND, chiếm 46,64% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 188 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 200).

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động trong ngành khai thác và chế biến khoáng sản. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác quặng, kim loại quý hiếm.

Hoạt động chính của Công ty là khai thác và chế biến quặng antimony.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính**

Trong tháng 4 năm 2015, Công ty đã mua lại 408.744 cổ phần của Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước để trở thành cổ đông lớn nhất của Công ty Cổ phần Khai thác Chế biến Khoáng sản Hải Dương với tỷ lệ sở hữu là 35,7%.

### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Cấu trúc Công ty bao gồm văn phòng chính của Công ty đặt tại Hà Giang, văn phòng chi nhánh đặt tại Hà Nội, phân xưởng khai thác và phân xưởng luyện antimony.

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại lại hoặc trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu năm nay.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

### **Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính***Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.